

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH THANH HÓA**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phú

Bản án số: 47/2023/HS-ST
Ngày: 16 - 8 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nghi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Nam Văn

Ông Nguyễn Văn Thư

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Mỹ Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Ông Bùi Thanh Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 42/HSST ngày 17 tháng 7 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2023/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 8 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: Đỗ Văn T, sinh năm 1993, tại xã C, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Nơi ĐKNKTT: Đ 2, xã C, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đỗ Văn T; con bà Đỗ Thị T; có vợ và 01 con; tiền sự, tiền án: Không

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 08/5/2023 cho đến ngày 14/5/2023 chuyển tạm giam. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện H.(có mặt)

Người làm chứng:

Anh Lê Ngọc H, sinh năm 1995 (vắng)

Trú tại: Thị trấn H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Anh Hoàng Văn C, sinh năm 1985, (vắng)

Ông Trịnh Văn G – sinh năm 1961, (vắng)

Trú tại: Cùng thôn Đ2, xã C, huyện H, Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 10 giờ 30 phút ngày 08/5/2023, tổ công tác thuộc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H đang tuần tra, kiểm soát tại khu vực trục đường Mường 10 xã, thuộc địa phận thôn Đ 2, xã C, huyện H, tỉnh Thanh Hóa, phát hiện, bắt quả tang Đỗ Văn T, sinh năm 1993 đang tàng trữ tại túi quần trước bên trái 04 gói ni lông màu vàng tiếp đến là mảnh giấy trắng có chữ viết và 01 gói giấy màu trắng có chữ viết, bên trong tất cả các gói có chất bột màu trắng, dạng cục vụn, được niêm phong trong phong bì thư (ký hiệu M1); 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO, màu bạc, đã qua sử dụng, gắn số sim 0347.906.068 tại túi quần trước bên phải và số tiền 500.000 đồng (bao gồm 02 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng, 02 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng và 01 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng) tại túi quần sau bên phải. Tại chỗ, Đỗ Văn T khai nhận chất bột màu trắng, dạng cục vụn chứa trong các gói nêu trên (đã niêm phong trong phong bì ký hiệu (M1) là ma túy, loại Heroin, T tàng trữ với mục đích để sử dụng và có ai hỏi mua thì bán. Số tiền 500.000 đồng là tiền vừa bán ma túy cho Lê Ngọc H, sinh năm 1995, trú tại thị trấn Hậu Lộc, huyện H. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ toàn bộ vật chứng nêu trên. Khám xét khẩn cấp chỗ ở của Đỗ Văn T tại thôn Đ 2, xã C, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H không thu giữ tài đồ vật, tài liệu gì liên quan đến vụ án.

Tại bản Kết luận giám định số 1762/KL-KTHS, ngày 12/5/2023, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa, đã kết luận: Chất bột màu trắng, dạng cục vụn của phong bì niêm phong ký hiệu M1 gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 0,267g (không phẩy hai sáu bảy gam), loại Heroine.

Quá trình điều tra xác định: Khoảng 10 giờ 00 phút ngày 08/5/2023, do xe của T đang hỏng và sửa tại xã Hoa Lộc, huyện H nên T sử dụng ứng dụng mạng xã hội Zalo, cài đặt trên điện thoại nhãn hiệu OPPO, gắn số sim 0347.906.068 của mình gọi cho anh Lê Ngọc H để nhờ anh Hòa chở về nhà, anh Hòa đồng ý và đồng thời hỏi T “có không để tôi một cái” (ý Hòa hỏi có ma túy không để Hòa mua), thì T đồng ý và nói với H xuống xã H đón T về nhà để lấy ma túy. Sau đó, anh H điều khiển xe máy xuống đón T và chở T về đến cây xăng T, huyện H, thì T nói anh H dừng xe lại để T đi bộ về. Lúc này, anh H đưa cho T số tiền 500.000 đồng bao gồm 02 tờ tiền 50.000 đồng, 01 tờ tiền 200.000 đồng và 02 tờ tiền 100.000 đồng, còn T đưa cho anh H 01 gói ma túy và đi bộ về. Anh H điều khiển xe đi về và sử dụng một mình hết số ma túy đã mua của T. Khi anh H chở T từ xã H về đến cây xăng Tuy Lộc, anh H không biết việc T tàng trữ ma túy trên người.

Nguồn gốc số ma túy của Đỗ Văn T bị thu giữ và bán cho anh Lê Ngọc H, T khai ngày 07/5/2023, T bắt xe khách ra địa phận phường Đình Bảng, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, được một người đàn ông không biết tên, địa chỉ ở đâu, chỉ vào ngôi nhà tại phường Đình Bảng, thị xã Từ Sơn, rồi T mua ma túy của người ở bên trong qua khe cửa tại ngôi nhà; T không biết người bán ma túy cho mình qua khe cửa là ai, nam hay nữ và không nhớ rõ đường vào ngôi nhà này; T đã mua

1.500.000 đồng tiền ma túy và về chia nhỏ thành 07 gói, bán cho Hòa 01 gói vào ngày 08/5/2023, T sử dụng 01 gói còn 05 gói còn lại bị bắt quả tang và thu giữ.

Tại bản Cáo trạng số: 47/CT-VKS HL ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H, truy tố bị cáo Đỗ Văn T, về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo.

Về trách nhiệm hình sự: Viện kiểm sát đề nghị. Áp dụng khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Tuyên bố, bị cáo Đỗ Văn T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”

Về mức hình phạt: Đề nghị tuyên phạt bị cáo Đỗ Văn T từ 24 đến 27 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm tạm giam. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 47 của BLHS, khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy đối với số ma túy còn lại sau giám định 0,239g, được niêm phong có trong phong bì niêm phong đã bàn giao theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 14/7/2023. Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 500.000 đồng do phạm tội mà có, theo Ủy nhiệm chi ngày 17/7/2023 tại Kho Bạc Nhà nước huyện H và 01 điện thoại Oppo màu trắng bạc đã qua sử dụng có gắn sim của bị cáo là công cụ phương tiện sử dụng vào việc phạm tội.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của BLTTHS, Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/ NQUBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật;

Bị cáo không có ý kiến, quan điểm tranh luận về tội danh và về mức hình phạt như đề nghị của Viện kiểm sát, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng mức hình phạt nhẹ nhất để có cơ hội trở thành công dân tốt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về chứng cứ buộc tội: Lời khai cả bị cáo thừa nhận, khoảng 10 giờ 30 phút ngày 08/5/2023, tại thôn Đ 2, xã C, huyện H, Đỗ Văn T đã thực hiện hành vi bán 01 gói ma túy loại Heroine với giá 500.000 đồng cho Lê Ngọc Hòa. Khi bị cáo đang trên đường về nhà thì bị lực lượng Công an huyện H, phát hiện, bắt giữ quả tang. Tiến hành thu giữ tại túi quần trước bên trái 04 gói ni lông màu vàng và 01 gói giấy màu trắng có chữ viết, bên trong tất cả các gói có chất bột màu trắng,

dạng cục vụn, được niêm phong (ký hiệu M1); 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO, màu bạc, đã qua sử dụng, tại túi quần trước bên phải và số tiền 500.000 đồng gồm 02 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng, 02 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng và 01 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng) tại túi quần sau bên phải. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với vật chứng được thu giữ, biên bản phạm tội quả tang, lời khai của Lê Ngọc H, phù hợp với bản kết luận giám định số: 1762/KTHS ngày 12/5/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa, số lượng ma túy được thu giữ niêm phong là 0,267g (không phải hai sáu bảy gam), loại Heroine. Như vậy, đủ căn cứ để kết luận: Bị cáo Đỗ Văn T đã thực hiện hành vi mua bán chất ma túy là Heroine nhằm để bán kiếm lời thì bị bắt giữ. Hành vi của bị cáo đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

[2]. Xét tính chất của vụ án: Tội phạm ma túy là hành vi nguy hiểm cho xã hội, vì ma túy nói chung có tác hại đến sức khỏe con người và có thể nguyên nhân gây ra các tội phạm khác. Tội phạm về ma túy đã xâm phạm đến tình hình an ninh trật tự và an toàn xã hội, xâm phạm đến chính sách quản lý độc quyền của Nhà nước về chất ma túy. Tính chất vụ án là nghiêm trọng, nên cần phải xử lý nghiêm, để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[3]. Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Nhận thấy, bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng TNHS theo khoản 1 Điều 52 của BLHS. Bị cáo được xem xét hưởng các tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS. Ngoài căn cứ giảm nhẹ trên không có căn cứ xem xét giảm nhẹ khác.

[4]. Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, thấy cần thiết lên cho bị cáo mức hình phạt tù tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo gây nên, để bị cáo thấy được tính nghiêm minh của pháp luật đối với loại tội phạm này.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là lao động tự do nên không có cơ sở chứng minh có nguồn thu nhập ổn định và có tài sản riêng, nên không áp dụng phạt tiền là hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 35 BLHS.

[6]. Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật, các quyết định tố tụng được ban hành đúng thẩm quyền, trình tự tố tụng. Quá trình điều tra không có khiếu nại trong hoạt động tố tụng, đảm bảo tính khách quan, minh bạch trong hoạt động điều tra, truy tố, bảo đảm quyền và nghĩa vụ cho những người tham gia tố tụng khi khai báo. Tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của pháp luật Hình sự, tố tụng hình sự là đầy đủ và có căn cứ.

[7]. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, khoản 1 Điều 46, điểm b, điểm c khoản 1 Điều 47 của BLHS, điểm a, điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy đối với số ma túy còn lại sau giám định, được niêm phong có trong phong bì đã bàn giao theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 14/7/2023. Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 500.000 đồng do phạm tội mà có, theo Ủy nhiệm chi ngày 17/7/2023 tại Kho Bạc Nhà nước huyện H và 01 điện thoại Oppo màu trắng bạc đã qua sử dụng có gắn sim của bị cáo là công cụ phương tiện phạm tội.

[8]. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016 /UBTVQH-14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1, Điều 51, Điều 38, khoản 1 Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017

Tuyên bố: Bị cáo Đỗ Văn T phạm tội “ Mua bán trái phép chất ma túy”

Xử phạt: Đỗ Văn T 25 (hai mươi lăm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, ngày 08/5/2023.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, khoản 1 Điều 46, điểm b, điểm c khoản 1 Điều 47 của BLHS, điểm a, điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy toàn bộ bao gói là phong bì có đặc điểm niêm phong mẫu vật ma túy còn lại sau giám định, theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 14/7/2023. Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 500.000 đồng theo Ủy nhiệm chi ký hiệu: C4-02a/KB, ngày 17/7/2023 tại Kho bạc Nhà nước huyện Hậu Lộc và 01 điện thoại Oppo màu trắng bạc đã qua sử dụng có gắn sim của bị cáo, theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 14/7/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a, khoản 1 Điều 23, Nghị quyết số: 326/ 2016 /UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 của Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi án có

quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKS huyện H;
- VKS tỉnh Thanh Hóa;
- Công an huyện H;
- Thi hành án DS huyện H;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Văn Nghi